

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác học vụ trường Đại học Đồng Nai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-TTg ký ngày 20 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đồng Nai trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Đồng Nai đào tạo theo học chế tín chỉ (văn bản đính kèm).

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm học 2018-2019. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 674/QĐ-ĐHĐN ngày 06 tháng 9 năm 2013 về việc ban hành quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng bộ môn, giảng viên trong Trường, giảng viên tham gia thỉnh giảng và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các ông (bà) có tên ở Điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Minh Hùng

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC HỌC VỤ

Dùng cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 950/QĐ-ĐHĐN

ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quy chế 43); căn cứ Thông tư số 57/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào yêu cầu về đào tạo tín chỉ và tình hình thực tiễn của Trường Đại học Đồng Nai, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai quy định một số điểm cụ thể về công tác học vụ đối với sinh viên (SV) hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ năm học 2018-2019 như sau.

1. Chương trình đào tạo

Chương trình giáo dục đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, số tín chỉ của các chương trình hệ đại học từ 120 -140 TC, số tín chỉ của các chương trình hệ cao đẳng từ 90 - 110 TC.

2. Khóa học, thời gian tối đa để hoàn thành khóa học

Khoá học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một chương trình cụ thể. Tại Trường Đại học Đồng Nai trình độ cao đẳng được thực hiện trong ba năm, trình độ đại học được thực hiện trong 4 năm. Một năm học có hai học kì (HK). Mỗi HK có 15 tuần học và 3 tuần thi. Tùy theo tình hình thực tế có thể có thêm HK phụ (học kì 3). Mỗi HK phụ có 5 tuần học và 1 tuần thi.

Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 5 năm đối với hệ cao đẳng và 6 năm đối với hệ đại học. Hết thời hạn tối đa, nếu SV không đủ điều kiện để công nhận tốt nghiệp, được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình. Những SV này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển xuống học chương trình cấp thấp hơn hoặc chuyển qua học theo hình thức giáo dục thường xuyên do Trường Đại học Đồng Nai tổ chức theo quy định tại Quy chế 43 và Hướng dẫn của Đại học Đồng Nai.

3. Tổ chức lớp học theo học phần

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng kí khối lượng học tập của

SV. Số lượng SV tối thiểu cho mỗi lớp được quy định như sau¹:

- Lớp học phần môn chung (Mác-Lênin, Tâm lý-Giáo dục):	80 sv/lớp
- Lớp học phần Tin học:	50 sv/lớp
- Lớp môn riêng:	30 sv/lớp
- Nhóm thực hành:	20 sv/nhóm

Những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

4. Đăng kí môn học

4.1. Trách nhiệm của Trường

Vào đầu mỗi khóa học, Trường thông báo cho SV chương trình đào tạo của từng ngành học, quy chế học tập, thi - kiểm tra.

Vào đầu mỗi học kỳ, Trường thông báo cho SV danh mục các học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, số lớp dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khóa biểu dự kiến cho các lớp học đó, giảng viên dự kiến phụ trách từng lớp học phần, công bố danh sách cố vấn học tập (CVHT) kèm theo danh sách nhóm SV do từng CVHT phụ trách.

Thông qua đội ngũ CVHT và các tài liệu hướng dẫn, Trường tạo điều kiện cho SV có đầy đủ thông tin cần thiết để lựa chọn học phần và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân. CVHT chịu trách nhiệm quản lý SV theo sự phân công của khoa, hướng dẫn SV thực hiện quy trình đăng kí môn học theo quy định chung của Trường.

4.2. Trách nhiệm của SV

- Nghiên cứu, tìm hiểu để nắm vững chương trình đào tạo và những quy định của Trường; gặp gỡ và trao đổi với CVHT để được hướng dẫn, giúp đỡ.

- Thực hiện việc đăng kí học phần trước khi HK mới bắt đầu theo đúng thời gian quy định của Trường.

4.3. Thủ tục đăng kí học phần

B1: Trước khi bắt đầu mỗi HK, căn cứ vào chương trình đào tạo HK, danh mục các học phần mở lớp trong HK và sự hướng dẫn của CVHT, từng SV xác định các học phần muốn đăng kí phù hợp với khả năng học của mình.

B2: SV đăng kí học phần trên Website của Trường (<http://www.dnpu.edu.vn>). Sau khi hoàn tất việc đăng kí các học phần trên mạng, SV sẽ tự in và trình CVHT kí duyệt. SV có 2 tuần lễ để điều chỉnh đăng kí trong khuôn khổ cho phép của Trường (thời gian, điều kiện cụ thể được thông báo từng học kỳ). Sau thời gian này Trường không giải quyết điều chỉnh đăng kí học phần nữa.

B3: Hết thời gian điều chỉnh, căn cứ kết quả đăng kí học phần, Trường sẽ in thời khóa biểu học tập, lịch thi cho các lớp học. Mọi khiếu nại sau này nhà trường sẽ không giải quyết.

Chú ý :

- Việc đăng kí các học phần sẽ học cho từng HK phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

- Các học phần muốn được đăng kí phải là học phần có trong danh mục mở lớp của học kì và không bị trùng thời khóa biểu với học phần khác. Riêng các SV đăng kí học trả

¹ Quy định này không áp dụng đối với các ngành đào tạo có số lượng tuyển sinh (đầu vào) ít.

nợ các học phần lý thuyết, có thể được xét cho đăng kí trùng thời khóa biểu, nhưng không được vượt quá số TC tối đa cho phép.

- Trường hợp số lượng SV đăng kí một học phần thấp hơn số lượng tối thiểu quy định, lớp học phần dự kiến này sẽ bị hủy bỏ và SV có thể chuyển sang đăng kí học học phần khác.

- Các SV có nhu cầu điều chỉnh kết quả đăng kí liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo để thực hiện trong thời gian quy định. Mỗi SV chỉ được điều chỉnh 1 lần.

4.4. Quy định về số TC đăng kí trong một học kỳ

Để đảm bảo tiến độ thời gian và chất lượng học tập, mỗi SV đăng kí ở mỗi HK số TC tối thiểu và tối đa như sau :

- Đối với SV nằm trong diện cảnh báo, ở mỗi HK chính được đăng kí tối thiểu 10 TC (trừ HK cuối khóa) tối đa không quá 14 TC.

- Đối với SV còn lại (kể cả SV năm thứ nhất mới nhập học) ở mỗi HK chính được đăng kí tối thiểu 14 TC (trừ HK cuối khóa) và không hạn chế số tín chỉ tối đa.

- Đối với HK phụ không quy định số tín chỉ tối thiểu, số tín chỉ tối đa không vượt quá 6 TC; đối với sinh viên năm cuối, số tín chỉ tối đa không vượt quá 9 tín chỉ.

5. Rút bớt học phần đã đăng kí

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng kí được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kì chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kì phụ. Thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng kí không quá 6 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không quá 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng kí học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng kí:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo;
- b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;
- c) Không vi phạm quy định tại khoản 4.4. mục 4 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách môn học nhận giấy báo của Phòng Đào tạo.

6. Đăng kí học lại, thi lại

Sinh viên được phép thi lại tại kì thi phụ sau mỗi HK nếu vắng có lí do vào kì thi chính.

SV phải đăng kí học lại các học phần bắt buộc chưa tích lũy đạt yêu cầu (bị điểm F) ở một trong các HK tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Đối với học phần tự chọn chưa tích lũy, SV có thể đăng kí học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn khác cùng nhóm học phần theo quy định của chương trình đào tạo.

SV có các học phần đã tích lũy bị điểm D được quyền đăng kí học lại để cải thiện điểm. Cách xử lý kết quả thi như sau: Điểm thi đã đạt ở lần thi thứ nhất là điểm dùng để tính điểm trung bình học bổng học kì. Điểm tính xếp hạng học lực được tính theo điểm thi

kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

SV đăng kí thi hoặc học lại phải làm đơn có xác nhận của Trường khoa gửi phòng Đào tạo trước khi có lớp học tổ chức. Nếu không có học phần SV đăng kí ở các lớp khác do Trường tổ chức, SV có thể đăng kí học lại học phần tương đương (có nội dung cơ bản giống với học phần SV không đạt yêu cầu - học phần tương đương không được ít hơn 1 tín chỉ). Việc xác nhận môn học tương đương do Tổ bộ môn và Khoa đề xuất. SV học và thi chung với lớp đăng kí kết quả thi học phần dùng thay thế cho học phần SV bị thiếu. Nếu Trường không có lớp hoặc không tổ chức được lớp (do các khóa sau không có học phần SV không đạt yêu cầu, không có học phần tương đương hoặc do số lượng SV đăng kí quá ít không đủ để mở lớp), Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa và Tổ bộ môn thống nhất đề xuất môn học thay thế mà Nhà trường có tổ chức mở lớp (không nằm trong số các môn SV đã đăng kí). Trường hợp không có môn thay thế, SV được phép tự học, được phép bảo lưu điểm quá trình. Khi đã đủ thời gian tự học theo quy định, SV làm đơn xin dự thi. Phòng Đào tạo có trách nhiệm xác nhận điều kiện dự thi và gửi về Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng để tổ chức thi cho SV.

Tất cả các đối tượng SV đăng kí học lại phải nộp học phí học lại theo quy định của Trường.

Ngoài các trường hợp quy định trên, SV được quyền đăng kí học lại hoặc đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

7. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

7.1. Sau mỗi HK, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, SV được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 33 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 33 tín chỉ đến dưới 66 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 66 tín chỉ đến dưới 100 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 100 tín chỉ trở lên.

7.2. Sau mỗi HK, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, SV được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

7.3. Kết quả học tập trong học kì phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kì chính ngay trước học kì phụ để xếp hạng SV về học lực.

8. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

8.1. Cảnh báo kết quả học tập:

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên

có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung học kì đạt dưới 0,80 đối với học kì đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kì tiếp theo;

b) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

8.2. Buộc thôi học:

Sau mỗi HK, SV bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo quá 2 lần liên tiếp;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại mục 2 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường gửi thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Sinh viên thuộc diện bị thôi học được quyền làm đơn xin xét chuyển qua chương trình đào tạo ở bậc thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng. Hiệu trưởng xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

9. Quy định về đánh giá học phần

9.1. Cách đánh giá điểm học phần

9.1.1. Đối với các học phần chỉ có thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kì được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

9.1.2. Điểm học phần đối với các học phần vừa có lý thuyết vừa có thực hành tại phòng thí nghiệm, xưởng trường, tham quan thực tế bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Tỷ trọng hai loại điểm trên do giảng viên đề xuất với Phòng Đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết môn học. Điều kiện để dự thi kết thúc học phần là điểm đánh giá phần thực hành phải đạt yêu cầu trở lên.

Điểm đánh giá quá trình bao gồm các loại điểm bộ phận: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm bài tập lớn.

Việc quy định các loại điểm bộ phận, việc chấm thi kết thúc học phần và chấm bài tập lớn thực hiện như quy định đối với học phần chỉ có lý thuyết. Khi kết thúc học phần giảng viên nhập điểm đánh giá đánh giá quá trình trên website quản lý đào tạo theo quy định. Giảng viên phải công khai kết quả đánh giá cho SV biết và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

9.1.3. Điểm tổng hợp học phần (điểm học phần) đối với các học phần còn lại bao gồm điểm đánh giá quá trình chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm

trọng số 70%.

Điểm đánh giá quá trình bao gồm các loại điểm bộ phận: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra giữa học phần. Căn cứ vào tính chất của học phần, giảng viên quy định trong đề cương chi tiết học phần các loại điểm bộ phận sử dụng trong đánh giá, trọng số của từng điểm bộ phận và thông báo cho SV trước khi bắt đầu giảng dạy học phần. Điểm bài tập lớn được dùng thay thế cho điểm thi kết thúc học phần.

Điểm thi kết thúc học phần, điểm bài tập lớn thay cho thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70%. Việc chấm thi kết thúc học phần và chấm bài tập lớn do hai giảng viên đảm nhiệm.

9.1.4. Hình thức đánh giá đối với một học phần được quy định trong Đề cương chi tiết học phần và công bố cho SV vào đầu học kì. Đề cương chi tiết học phần do giảng viên phụ trách học phần biên soạn, được Trường khoa xác nhận và Hiệu trưởng duyệt vào đầu mỗi học kì.

9.2. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần.

9.2.1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

9.2.2. Điểm học phần (trừ học phần chỉ có thực hành) được tổng hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần (hoặc điểm bài tập lớn) được tính theo công thức:

$$\text{ĐHP} = \frac{(\text{ĐQT} \times \text{TS1}) + (\text{ĐTHP} \times \text{TS2})}{10}$$

trong đó: ĐHP là điểm tổng hợp học phần

ĐQT là điểm quá trình

ĐTHP là điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm bài tập lớn

TS1 là trọng số của ĐQT theo quy định của từng loại học phần

TS2 là trọng số của ĐTHP theo quy định của từng loại học phần

9.2.3. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ theo 5 bậc A, B, C, D, F như sau:

Loại đạt:	A (8,5 – 10)	Giỏi
	B (7,0 – 8,4)	Khá
	C (5,5 – 6,9)	Trung bình
	D (4,0 – 5,4)	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F (dưới 4,0)	Kém

9.3. Cách xử lý các loại điểm I, điểm X, điểm R, cách tính điểm trung bình chung thực hiện theo Quy chế 43.

10. Khoá luận tốt nghiệp, học phần thay thế, thực tập sư phạm

Đầu HK cuối khoá SV được đăng kí làm khoá luận tốt nghiệp (KLTN) hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế KLTN.

10.1. Để được nhận làm KL, sinh viên cần hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ đối với hệ cao đẳng (hoàn thành các học phần của học kì IV), 90 tín chỉ đối với hệ đại học (hoàn thành các học phần của học kì VI) có trong chương trình đào tạo của ngành học và điểm trung bình chung tích lũy phải đạt từ 2,5 trở lên.

2. Đã tích lũy được một học phần chuyên môn liên quan đến đề tài, có 2 tín chỉ trở lên liên quan đến đề tài và đạt kết quả từ điểm B trở lên.

3. Đã có 1 bài tập lớn đạt kết quả từ 8,0 điểm (thang điểm 10) trở lên.

4. Số học phần thi lại trong các học kì trước đó không quá 2 học phần và không vượt quá tổng số 4 tín chỉ.

5. Tỷ lệ sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp không quá 20% tổng số sinh viên của ngành học trong khoá đào tạo đó.

Sinh viên đã làm đề tài nghiên cứu khoa học độc lập và đã nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên được ưu tiên chọn giao thực hiện KL.

Căn cứ vào điều kiện quy định, khả năng hướng dẫn của giảng viên, Khoa tổ chức đăng ký, xét và lập danh sách đề nghị Hiệu trưởng duyệt danh sách đủ điều kiện làm khoá luận.

10.2. SV không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng kí học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định trong chương trình của từng chuyên ngành để tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu công nhận tốt nghiệp.

10.3. SV ngành sư phạm phải trải qua kì thực tập sư phạm tập trung tại trường phổ thông. Thời gian, nội dung, hình thức tổ chức, cách đánh giá thực tập sư phạm được Hiệu trưởng quy định tại văn bản riêng.

11. Điều kiện xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp

11.1. Những SV có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo của các ngành ban hành theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

e) Đạt các yêu cầu về chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo theo quy định.

11.2. Xếp hạng tốt nghiệp

11.2.1. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

11.2.2. Hạng tốt nghiệp của những SV có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

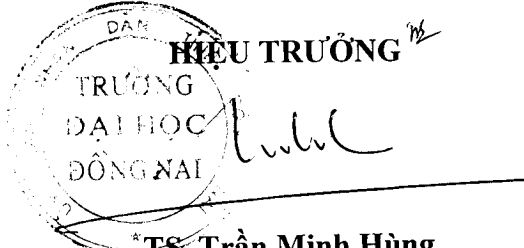
- Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

12. Tổ chức thực hiện

12.1. Quy định này được áp dụng từ năm học 2018-2019 đối với tất cả các lớp, các hệ đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Hàng năm tùy theo điều kiện đào tạo và nhu cầu thực tế, Trường sẽ ban hành hướng dẫn, điều chỉnh cụ thể.

12.2. Trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các bộ môn, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Đồng Nai có trách nhiệm thi hành Quy định này.


HIEU TRƯỞNG
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
ĐỒNG NAI
*TS. Trần Minh Hùng